

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 18/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Nghiêm và Ông Nguyễn Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/TLST-HS ngày 21/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 02/4/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh D**; sinh ngày 11/6/1981 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Sỹ C (đã chết) và bà Bùi Thị T; có vợ: Hà Thị H, sinh năm 1985 và người 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Nuôi C**; sinh ngày 15/11/1976 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Q và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Doãn S**; sinh ngày 02/10/1972 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị C; có vợ:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Họ và tên: **Phan Nguyễn Văn D**; sinh ngày 06/9/1986 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị M; có vợ: Lê Thị A, sinh năm 1986 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

5. Họ và tên: **Bùi Ngọc L**; sinh ngày 12/12/1970 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D (đã chết) và bà Bùi Thị H; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Thanh H**; sinh ngày 08/01/1972 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân N và bà Bùi Thị Q; có vợ: Bùi Thị T, sinh năm 1972 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

7. Họ và tên: **Lê Đức T**; sinh ngày 20/3/1979 tại xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Bá Q; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bà Thái Thị L; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Doãn H; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/01/2019, Lê Minh D, Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh H và Lê Đức T đến nhà anh Bùi Bá Quân ở thôn D, xã A, huyện T dự liên hoan tất niên năm 2019. Trong lúc ngồi ăn uống, Lê Minh D nói: *Làm tí hè* (ý rủ mọi người đánh bài ăn tiền), thì C, S, D và T đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Bùi Nuôi C đi ra quán tạp hóa của chị Thái Thị L ở gần đó mua hai bộ bài tú lơ khơ, đưa về nhà anh Q để đánh bạc. Lúc này, D, C, S, D và T vào phòng khách thì thấy một chiếc chiếu đã trải dưới sàn nhà, nên cả năm người ngồi xuống đánh bạc. Còn Nguyễn Thanh H ngồi uống nước ngoài sân, Bùi Ngọc L đi về nhà mình. Trước khi đánh, S nói: *Chơi bài Liêng, đặt cược mỗi ván 10.000 đồng, phạt cao nhất 100.000 đồng*. Lê Đức T là người chia ván bài đầu tiên. Khi đánh bài được khoảng 10 phút thì H vào tham gia đánh bài cùng với mọi người.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày L quay lại nhà anh Quân cùng vào tham gia đánh bài. Trước khi đánh, D có 1.000.000 đồng, C có 600.000 đồng, S có 2.000.000 đồng, D có 3.380.000 đồng, L có 3.500.000 đồng, H có 800.000 đồng và T có 620.000 đồng đều sử dụng đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang, thu giữ số tiền 11.900.000 đồng, 01 chiếc chiếu nhựa, 02 bộ bài tú lơ khơ và 06 chiếc điện thoại di động. Quá trình lập biên bản, lợi dụng sơ hở Phan Nguyễn Văn D bỏ trốn khỏi hiện trường và ngày 29/01/2019, thì đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 09/CTr-VKSĐT ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ truy tố các bị cáo Lê Minh D, Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh H và Lê Đức T về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điều 35; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Lê Minh D từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Xử phạt bổ sung bị cáo D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D mỗi người từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt Nguyễn Thanh H và Lê Đức T mỗi người từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.900.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu nhựa.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai báo thành khẩn, xin giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Q không có nguyện vọng nhận lại tài sản do các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Quá trình tiến hành tố tụng, Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Thọ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Thái Thị Loan vắng mặt, nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, với nội dung: Từ khoảng 20 giờ đến 21 giờ 30 phút ngày 28/01/2019 Lê Minh D, Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh H và Lê Đức T đã dùng bộ bài tú lơ khơ đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” tại nhà ông Bùi Bá Quân ở thôn Đông Đoài, xã Đức La, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 11.900.000 đồng thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Thọ phát hiện và bắt quả tang.

Lời khai các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Vì vậy, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo nêu trên đã phạm tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất hành vi; vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; nhân thân của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là một tệ nạn không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác, để lại gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Trọng vụ án này, bị cáo D là người khởi xướng việc đánh bài ăn tiền, tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối, dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc nên giữ vai trò chính. Bị cáo C là người chuẩn bị công cụ phạm tội, dùng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc; D sử dụng số tiền 3.380.000 đồng; L sử dụng 3.500.000 đồng; S sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc và thời gian tham gia dài

nên xác định vai trò là tương đương nhau và sau D. Bị cáo H sử dụng số tiền 800.000 đồng, T sử dụng số tiền 620.000 đồng để đánh bạc và thời gian tham gia tương đương nhau nên giữ vai trò sau các bị cáo khác.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo D được UBND xã tặng nhiều giấy khen do đạt được thành tích tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo C và T có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo S có bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo H có bố, mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huy chương chiến thắng hạng nhất, Huân chương quốc công hạng ba; bị cáo L có bố, mẹ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo D sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú nên xác định đây là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về quyết định hình phạt:

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

[5]. Hình phạt bổ sung:

Các bị cáo đều làm nông nghiệp, thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt tiền cho các bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

Số tiền 11.900.000 đồng là của các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 02 bộ bài tú lơ khơ bị cáo C mua của chị Loan để đánh bạc và 01 chiếc chiếu nhựa của ông Q do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nhưng ông bà không biết nên không phải chịu trách nhiệm, đồng thời xác định không còn giá trị và không nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3; Điều 6; Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106; Khoản 1, 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3; Điều 6; Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh D, Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh H và Lê Đức T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Minh D 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D mỗi người 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H và Lê Đức T mỗi người 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019.

Giao các bị cáo Lê Minh D, Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh H và Lê Đức T cho UBND xã Đức La, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện thủ tục theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Biện pháp tư pháp:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.900.000 đồng (Mười một triệu chín trăm ngàn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu nhựa.

Đặc điểm vật chứng thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Thọ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ lưu tại hồ sơ vụ án.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Buộc các bị cáo Lê Minh D, Bùi Nuôi C, Nguyễn Doãn S, Bùi Ngọc L, Phan Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh H và Lê Đức T mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- CQCSĐT Công an Đức Thọ;
- Chi cục THADS Đức Thọ;
- THA hình sự;
- Bị cáo; người liên quan;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ; lưu trữ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Huy Trọng